

# Truyền thông đa phương tiện không tương tác, truyền thông đa phương tiện có tương tác và trí tuệ nhân tạo ảnh hưởng đến việc kiểm tra, đánh giá sinh viên

Lê Hồng Khánh\*

\*ThS. Trường Đại học Khánh Hòa

Received: 10/11/2024; Accepted: 19/11/2024; Published: 25/11/2024

**Abstract:** Once information technology has been accepted in education, teachers and students have equal rights in the ability to exploit the data sources of digital technologies. Exploiting multimedia and AI, digital data sources represents both an opportunity and a challenge for teaching and learning, particularly for testing and evaluating. The article presents forms of exploitation of data sources of digital technologies and draws on the concept of knowledge-skills to propose some solutions in the learning of foreign languages.

**Keywords:** Non-interactive multimedia, interactive multimedia, AI affect student testing, assessment

## 1. Đặt vấn đề

Vào đầu thiên niên kỷ thứ 3, các nhà khoa học giáo dục đã thấy rõ và “khẳng định tiềm năng của Internet như một công cụ giáo dục (Hargis, 2001). Và “việc sử dụng Internet cho giáo dục là rất quan trọng” (Hunjra et al., 2010). Thách thức lớn là vấn đề quản lý trong giáo dục, “Lượng dữ liệu được thu thập và lưu trữ bởi con người đã vượt quá khả năng quản lý của các nhà giáo dục.” (Williams & Evans, 2008). Khi giảng viên và sinh viên đều có quyền bình đẳng về khả năng khai thác nguồn dữ liệu công nghệ số thì xuất hiện những vấn đề cấp thiết sau:

- Quan hệ giữa giảng viên và sinh viên được xác định lại, độc quyền về kiến thức và độc quyền về nguồn kiến thức bị xóa bỏ. Mọi quan hệ mới sẽ được dựa trên trụ cột nào trong quá trình dạy và học? (Kiến thức chuyên sâu, khả năng tư duy, tính thẩm quyền trong thiết chế, ...).

- Sinh viên có thể lợi dụng công nghệ số để làm sai lệch kết quả đánh giá của giảng viên. Đề hạn chế sinh viên lạm dụng công nghệ số, giảng viên phải thay đổi cách đánh giá theo hướng nào?

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Định nghĩa khái niệm

- Truyền thông đa phương tiện không tương tác: Là hình thức truyền sản phẩm thông tin từ người truyền đến người nhận không cho phép sự tương tác trực tiếp của người nhận. Khi một sản phẩm thông tin hoàn thành thì được truyền đi nguyên bản. Người nhận chỉ đọc, nghe, xem mà không tương tác ngược với tác giả, nhà xuất bản để điều chỉnh, mở rộng ý tưởng của sản phẩm đã hoàn thiện. Ví dụ như một

buổi phát sóng truyền hình, radio, bài báo, ... (Nếu có sự điều chỉnh, thì đó là một sản phẩm thông tin khác để nói về sản phẩm đã hoàn thiện).

- Truyền thông đa phương tiện có tương tác (mạng xã hội): Là hình thức truyền sản phẩm thông tin mà tác giả (nguồn phát) vẫn tiếp tục điều chỉnh, mở rộng nội dung trong sản phẩm của mình sau khi nhận phản hồi trực tiếp của độc giả. Tác phẩm ban đầu có thể được thay đổi để thích ứng với tương tác của người nhận.

- Trí tuệ nhân tạo là thuật toán tạo sản phẩm theo yêu cầu người dùng. Trí tuệ nhân tạo không được xem là tác giả của sản phẩm với tư cách pháp nhân cá nhân vì sản phẩm đó có thể được điều chỉnh bởi người dùng nhằm tạo ra sản phẩm có dấu ấn cá nhân của người dùng.

Theo các khái niệm trên, thì phương tiện truyền thông sẽ truyền sản phẩm của một tác giả đến người nhận, còn trí tuệ nhân tạo thì giúp người dùng tạo sản phẩm. Ngành giáo dục và đào tạo phải đặt lại vấn đề về kiểm tra đánh giá trước sự sao chép từ nguồn có sẵn và nhất là lấy sản phẩm “sơ chế” của trí tuệ nhân tạo để chế biến lại mà bản thân “người chế biến” chưa hiểu rõ từ ngữ, hình ảnh, đoạn trích.

### 2.2. Các hình thức internet thông dụng

- Trang web tìm kiếm: ví dụ như google, yahoo, baidu, ...

- Trang đọc lập: ví dụ trang của một đại học, trang của một doanh nghiệp hoặc cá nhân...

- Trang mạng xã hội: facebook, twitter, ...

- Trang cung cấp ChatGPT

- Nền tảng chat, call, call video

### 2.3. Các cách khai thác nguồn trên internet

- Trao đổi (trực tiếp hoặc không trực tiếp) để lấy thông tin.
- Chép lại nội dung có sẵn.
- Giao việc cho trí tuệ nhân tạo và nhận lại sản phẩm.

### 2.4. Các hình thức chất liệu được lấy từ các nguồn internet

- Lấy số liệu
- Lấy ý tưởng
- Lấy cấu trúc bài viết
- Lấy cả đoạn, cả bài viết

Các hình thức trên đều có thể phục vụ cho việc học tập để hình thành hệ thống kiến thức cho sinh viên nhưng khi chuyển sang kiểm tra, đánh giá thì sẽ gặp một vài trường hợp không hợp lệ sau:

- Chép ý tưởng để đưa vào bài làm mà không trích dẫn.
- Chép nguyên đoạn văn để đưa vào bài như tự mình viết.
- Chép nguyên bài mẫu chỉ thay đổi vài chi tiết.

### 2.5. Hệ quả và phương án

#### 2.5.1. Thái độ học tập

- Sinh viên đã có nguồn kiến thức cần thiết trước khi đến lớp. Đây là thuận lợi lớn, nhưng cũng dễ gây tính chủ quan cho sinh viên, tạo thái độ không hợp tác trong giờ học.

- Một số sinh viên không hiểu bài giảng nhưng không cố gắng trao đổi hoặc hỏi giảng viên và hiểu bài tại lớp vì ý lại nguồn tài liệu trên mạng với suy nghĩ rằng sẽ tự tìm hiểu được, nhưng trên thực tế thì không làm.

#### 2.5.2. Việc đánh giá kết quả học tập đặt ra những câu hỏi sau

- Cách thức đánh giá bài viết tại nhà? Đây là kiến thức đã được lĩnh hội, đây là kiến thức sao chép?

- Làm thế nào để không mất cân đối khi đánh giá kiến thức và đánh giá kỹ năng? (Vì kiến thức được phép sao chép, cho nên giảng viên dễ bỏ qua phần đánh giá kiến thức đã lĩnh hội).

### 2.6. Một số giải pháp truyền thông đa phương tiện không tương tác, truyền thông đa phương tiện có tương tác và trí tuệ nhân tạo ảnh hưởng đến việc kiểm tra, đánh giá sinh viên

- Cách thức đánh giá bài viết tại nhà: Giảng viên cần phân biệt kiến thức đã được người học lĩnh hội và kiến thức sao chép mà không mang lại một giá trị lập luận hữu lý. Ngoài ra giảng viên cần giúp sinh viên phân biệt các mức độ sao chép khác nhau: chép để học, chép để đưa vào bài làm, chép nguyên đoạn không trích dẫn, chép nguyên bài mẫu vào bài làm.

Khi nhận ra sự khác biệt rõ ràng giữa các dạng sao chép, sinh viên sẽ có khuynh hướng chọn phương án sao chép được chấp nhận. Đó cũng chính là lúc sinh viên được rèn luyện kỹ năng diễn đạt văn bản khoa học.

Với cách chép nguyên đoạn hoặc nguyên bài thường kèm theo ý muốn gian lận. Và còn tai hại hơn, khi sinh viên mặc nhiên xem đây là bài làm bình thường. Việc phát hiện ra các phần gian lận ở những bài làm là rất quan trọng. Nếu không phát hiện được thì vô tình tạo cho người học lạc hướng, không chú trọng đến việc lĩnh hội kiến thức mà chỉ biết tìm, đọc lướt qua, sao chép rồi tưởng đó là đã hoàn thiện việc học. Việc phát hiện ra sự sao chép không trung thực từ mạng internet được thực hiện chủ yếu ở các bài làm ngoài phòng thi, từ dạng bài tập cho đến tiểu luận, luận văn, luận án.

- Trường hợp giảng viên chấp nhận sự sao chép, coi đó là hữu ích, vì cho rằng sinh viên chịu làm bài, chịu nộp bài đã là một nỗ lực giảng viên cần nói rõ là mọi, thì phải nói rõ hình thức sao chép được công nhận và có thể chọn ra những bài được cộng điểm vì có công sưu tầm nguồn tài liệu hay và phong phú. Làm như vậy thì giảng viên đã hóa giải việc sao chép gian lận và tập cho sinh viên tìm kiếm và lưu lại nguồn tư liệu. Đối với dạng luận văn, luận án thì giảng viên đã có nhiều phần mềm giúp phát hiện sao chép. Các trường cần đầu tư mua phần mềm phát hiện sao chép để phục vụ tốt cho việc kiểm tra đánh giá.

Đối với trường hợp sinh viên dùng ChatGPT, đây là trường hợp khó phát hiện nhất vì sinh viên đã chỉnh sửa để có sản phẩm mang dấu ấn cá nhân tránh phát hiện sao chép. Đối với vấn đề này, giảng viên có thể chọn các bài có dấu hiệu sao chép rõ nhất để kiểm tra vấn đáp trực tiếp về các nội dung trình bày trong bài. Nếu sinh viên nắm vững các kiến thức đã viết thì giảng viên có thể đánh giá cao đạt như kết quả bài viết, tức là sinh viên đã tích lũy được kiến thức cần thiết và kỹ năng trình bày trực tiếp. Nhưng khó khăn lớn nhất vẫn là lượng thời gian cho việc kiểm tra lại các bài. Trên thực tế, đã có trường hợp gian lận qua ChatGPT bị phát hiện và ghi nhận trong các đại học, trường hợp của giáo sư Darren Hich tại đại học Furman đã bắt quả tang một sinh viên viết bài luận 500 từ tại nhà vào cuối kỳ mùa thu năm 2022 (Mitchell, 2022) là một trong những ví dụ được ghi nhận trong các nghiên cứu.

### 3. Kết luận

Trong điều kiện sinh viên được tiếp cận nguồn internet dễ dàng, trước hết các nhà giáo dục và đào tạo cần tạo sự công bằng cho học viên bằng cách nâng

cao đồng đều năng lực khai thác thông tin và dữ liệu của học viên trên internet. Ngoài ra, việc tăng khả năng khai thác nguồn internet sẽ làm tăng chất lượng thông tin kiến thức chuyên môn.

Chiều ngược lại, giảng viên phải thích nghi nhanh nhất với sự thay đổi từ trong bản chất của việc giảng dạy và nhất là trong việc kiểm tra đánh giá. Giảng viên phải nỗ lực làm mới kiến thức của mình và phát triển khả năng thích nghi trong môi trường số toàn cầu.

Về tầm quản lý vĩ mô, nhà trường cũng cần tiếp cận và trang bị cho giảng viên các công cụ cần thiết cho việc kiểm soát sản phẩm học thuật. Khi không theo kịp học viên trong việc khai thác các công cụ số thì giảng viên sẽ có nguy cơ đánh mất chất lượng giảng dạy và nhất là khả năng kiểm tra, đánh giá sinh viên.

Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh của công nghệ mới, đôi khi giảng viên không thể nắm bắt hết những khả năng ứng dụng công nghệ của sinh viên. Để bảo đảm an toàn chất lượng của quá trình kiểm tra đánh giá, giảng viên có thể ưu tiên cho các hình thức đánh giá kỹ năng trực tiếp để tránh các dạng sao chép tinh vi không bị phát hiện. Với cách đánh giá kỹ năng trực

tiếp thì những trình bày của sinh viên là sản phẩm đáng tin cậy của quá trình học tập và đào tạo.

#### **Tài liệu tham khảo**

[1]. <https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKHCN/Attachments/359942/CVv216V23S152023058.pdf>

[2]. Hargis, J. 2001. Can students learn science using the Internet?. *Journal of Research on Computing in Education*, 33(4), 475-487.

[3]. Hunjra, A. I., Rehman, K. U. Safwan, N., & Ahmad, A. 2010. Students' attitude towards the uses of Internet, *International Journal of Business and Management*, 5(6), 46-55.

[4]. Willian, H. M., & Evans, J. J. 2008. Factors in information literacy education. *Journal of Political Science Education*, 4(1), 116-130.

[5]. Metzler, K. 2022. How ChatGPT Could Transform Higher Education, <https://www.socialsciencespace.com/2022/12/how-chatgpt-could-transform-higher-education/>

[6]. Mitchell, A. 2022. Professor catches student cheating with ChatGPT: 'I feel abject terror'. *New YorkPost*.

[7]. Mitrano, T. 2023. Coping with ChatGPT. *Inside Higher Ed*.

---

## **Thiết kế hệ thống định vị sử dụng....( tiếp theo trang 6)**

Kết quả đo đạc, cho thấy trong môi trường indoor, kết quả ước lượng tọa độ của trạm mục tiêu sử dụng tham số RSSI có sai số lớn hơn giá trị khảo sát trong môi trường outdoor. Nguyên nhân là do tín hiệu vô tuyến bị ảnh hưởng mạnh bởi hiện tượng fading. Độ lệch nhỏ nhất so ở vị trí thực tế là 3.6m (vị trí 2), độ lệch lớn nhất ghi nhận là 7.8m khi mục tiêu đặt tại trung tâm khu vực khảo sát (vị trí 5). Với phạm vi khảo sát là 30m x 30m, mức sai số trung bình ghi nhận được là 5.2m (17%).

### **5. Kết luận**

Tác giả đã trình bày việc thiết kế 01 hệ thống định vị dựa trên cường độ sóng vô tuyến sử dụng giải thuật ROCRSSI. Kết quả đo đạc thực nghiệm được thực hiện cho môi trường ngoài trời và trong nhà cho thấy hệ thống có khả năng xác định vị trí 2D của một đối tượng cố định trong phạm vi 30m x 30m và hiển thị kết quả thông qua phần mềm mô phỏng trên máy tính, với độ chính xác 80-85%. Độ chính xác của giải thuật đối với môi trường trong nhà thấp hơn môi trường ngoài trời do ảnh hưởng của hiện tượng fading. Trong thời gian tới, việc tìm hiểu các giải

thuật tốt hơn để cải thiện độ chính xác, phương pháp làm giảm ảnh hưởng của hiện tượng fading, việc cải thiện độ trễ trong tính toán lộ trình của mục tiêu di chuyển là các hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài.

#### **Tài liệu tham khảo**

1.Cong Zou, A Sol Kim, and Jun Gyu Hwang "Enhanced Positioning Method using WLAN RSSI Measurements considering Dilution of Precision of AP Configuration - ICSNC 2012.

2.Zheng Zhang "Research of An Adjacent Correction Positioning Algorithm Based on RSSI-Distance Measurement", China – 2011.

3.Pratap Kumar Sahu, Eric Hsiao-Kuang Wu, and Jagruti Sahoo, "DuRT: Dual RSSI Trend Based Localization for Wireless Sensor Networks", August 2013.

4.Vũ Đức Lung " Giải thuật định vị vị trí trong không gian 3-D cho thẻ RFID dựa vào cường độ tín hiệu (RSS)", Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ Phần A: Khoa học Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường: 33 (2014): 83-91.